

Bản án số: 75/2024/DSPT

Ngày 03 tháng 4 năm 2024

V/v “Chia thừa kế theo pháp luật”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Bà Trần Thị Bé.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha-Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc “Chia thừa kế theo pháp luật”, do Bản án số: 80/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân V, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2024/QĐ-PT ngày 15/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 101/2024/QĐ-PT ngày 13/3/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị X, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Tổ X1, thôn S, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ X5, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số X8, đường T, thành phố Đà Nẵng (có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ X1, thôn X2, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ X1, thôn S, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Tổ X1, thôn S, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Ánh N2, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ X2, khu phố V, phường X, tỉnh T (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ X1, thôn S, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số X5, đường S, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

6/ Ông Nguyễn Đức Quốc T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: KX26, đường Đ, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng.

-Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn, bà Mai Thị X trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Đức K là vợ chồng từ năm 1969, có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh N1, Nguyễn Thị Ánh N2, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức Quốc T. Tôi và ông K không có con riêng, con nuôi.

Tôi và ông K tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004.

Ngày 14/6/2006, ông K chết, không để lại di chúc. Di sản của ông K là ½ thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23/10/2018 tại Văn phòng Công chứng T, tôi và 07 người con đã ký Văn bản thỏa thuận, các con đồng ý tặng cho tôi toàn bộ kỷ phần được hưởng.

Tuy nhiên, sau khi lập văn bản thỏa thuận, ông H không đồng ý và có văn bản tranh chấp thừa kế tại Văn phòng Đăng ký Đất đai - Chi nhánh V.

Nay tôi yêu cầu Tòa án chia di sản của ông K là $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Tôi xin được nhận đất và thời tiền giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức H không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Với yêu cầu khởi kiện của mẹ tôi nêu trên, tôi hoàn toàn đồng ý. Kỷ phần của tôi, tôi đồng ý giao lại cho mẹ tôi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T trình bày:

Cha tôi là ông Nguyễn Đức K, mẹ tôi là bà Mai Thị X. Quá trình chung sống, cha mẹ tôi tạo lập được 01 thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Nay mẹ tôi chia di sản của cha tôi là $\frac{1}{2}$ thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng, tôi đồng ý.

Khi giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế, tôi đề nghị, ưu tiên cho mẹ tôi nhận đất, mẹ tôi thời trả tiền cho tôi và các đồng thừa kế khác.

-Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có lời khai.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã xử và quyết định

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 611, 612, 613, 614, 616, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự.; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị X về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phân di sản của cụ Nguyễn Đức K là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số

X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004) đứng tên ông Nguyễn Đức K có giá trị là: 414.596.000đ, cụ thể:

Chia di sản bằng hiện vật: Giao cho bà Mai Thị X được quyền sử dụng đất có diện tích 1139m² đất trong thửa đất thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004 đứng tên ông Nguyễn Đức K. Có tứ cận: Phía đông giáp đất hộ bà Nguyễn Thị H; Phía nam giáp đất hộ bà Nguyễn Thị H; Phía bắc giáp đất hộ ông K1; Phía tây giáp đường bê tông.

Bà Mai Thị X có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T, bà Nguyễn Thị Ánh N1, bà Nguyễn Thị Ánh N2, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức Quốc T, mỗi người số tiền: 51.797.200đ.

Bà Mai Thị X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên đối với thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004 theo quy định.

Trường hợp người đang nắm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004 đứng tên ông Nguyễn Đức K không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất đi làm thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước để được sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 07/11/2023 ông Nguyễn Đức H kháng cáo bản án sơ thẩm về thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Mai Thị X khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Đức K là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” số Đ 164388 do Ủy ban nhân dân V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2004.

[2] Tại Bản án số: 80/2023/DS-ST ngày 18/10/2023, Tòa án nhân dân V, thành phố Đà Nẵng chấp nhận yêu cầu của bà X; Giao bà X nhận di sản của ông K, buộc bà X bồi trả kỷ phần cho các đồng thừa kế.

[3] Ngày 07/11/2023 ông Nguyễn Đức H kháng cáo cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi ban hành bản án, ông H không nhận được bất cứ văn bản tố tụng nào, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do ông H chỉ kháng cáo về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm và các đương sự khác là nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị về nội dung vụ án, HĐXX cấp phúc thẩm chỉ xem xét kháng cáo của ông H đối với thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm theo quy định tại Điều 293 BLTTDS.

[4] Xem xét thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của cấp sơ thẩm cho ông H thì thấy:

[4.1] Đối với việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án: Ngày 27/10/2022 Tòa án nhân dân V ban hành “*Thông báo về việc thụ lý vụ án*” số: 126/TB-TLVA, trong đó xác định yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị X và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời xác định tư cách tố tụng các đương sự là nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 28/10/2022 Tòa án nhân dân V đã tổng đạt “*Thông báo về việc thụ lý vụ án*” số: 126/TB-TLVA, ngày 27/10/2022 cho ông H. Ông H trực tiếp ký nhận theo “*Biên bản v/v cấp tổng đạt*” (BL 29).

[4.2] Đối với việc tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Ngày 21/12/2022 Tòa án nhân dân huyện V ban hành “*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*” số: 126/TB-TA, thông báo cho ông H và các đương sự khác: Vào lúc 14 giờ ngày 05/01/2023, có mặt tại Tòa án nhân dân V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 22/12/2022 Tòa án nhân dân V đã tổng đạt “*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*” số: 126/TB-TA cho ông H. Ông H trực tiếp ký nhận theo “*Biên bản v/v cấp tổng đạt*” (BL 42).

[4.3] Đối với việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử: Ngày 12/9/2023 Tòa án nhân dân V ban hành “*Quyết định đưa vụ án ra xét xử*” số: 104/2023/QĐXXST-DS thông báo cho ông H và các đương sự khác: Vào lúc 8 giờ ngày 19/9/2023, có mặt tại Tòa án nhân dân V, để tham gia phiên tòa. Ngày 12/9/2023 Tòa án nhân dân V đã tổng đạt “*Quyết định đưa vụ án ra xét xử*” số: 104/2023/QĐXXST-DS cho ông H theo đường bưu điện, từ Bưu cục L, mã Bưu chính 50814; mã Bưu phẩm EE555470838VN (BL 147). Qua tra cứu bưu phẩm trên, ông H đã nhận bưu phẩm vào lúc 10 giờ 58 phút, ngày 13/9/2023.

[4.4] Đối với việc tổng đạt các văn bản tố tụng khác: Ngày 14/4/2023 Tòa án nhân dân V ban hành “*Thông báo tổ chức buổi xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản*” số: 01/2023/TB-TA, thông báo cho ông H và các đương sự khác: Vào lúc 14 giờ ngày 26/4/2023, có mặt tại thửa số X2, tờ bản đồ số X1, tại xã N, huyện V để tham gia việc xem xét, định giá diện tích đất chia thừa kế. Ngày 14/4/2023 Tòa án nhân dân V đã tổng đạt “*Thông báo tổ chức buổi xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản*” số: 01/2023/TB-TA cho ông H. Ông H trực tiếp ký nhận theo “*Biên bản v/v cấp tổng đạt*” (BL 85); Ngày 14/7/2023 Tòa án nhân dân V ban hành “*Thông báo kết quả thẩm định giá tài sản*” số: 126/2023/TB-TA, thông báo cho ông H và các đương sự khác kết quả định giá di sản theo Chứng thư thẩm định giá số: 51/CT-TĐG ngày 27/6/2023. Ngày 18/7/2023 Tòa án nhân dân V đã tổng đạt *Thông*

báo kết quả thẩm định giá tài sản” số: 126/2023/TB-TA cho ông H. Ông H trực tiếp ký nhận theo “Biên bản v/v cấp tổng đạt” (BL 112).

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H khai là ông H có nhận thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo định giá lại và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

[6] Từ những viện dẫn trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức H; Giữ nguyên Bản án số: 80/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân V, thành phố Đà Nẵng.

2/ Án phí DSPT: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ, tạm ứng án phí DSPT đã nộp (*biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0001720 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự V, thành phố Đà Nẵng*).

(Các quyết định bản án sơ thẩm (Điều 1, Điều 2 và Điều 3) không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:

-VKSND TP Đà Nẵng.

-TAND V;

-Chi cục THADS V;

-Các đương sự.

-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Chí Trung